

Bản án số: 243/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B- tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 854/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thương H, sinh năm 1984.

- **Bị đơn:** Ông Trịnh C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 28/5, khu phố 4, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thương H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 179/2007 ngày 30/8/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Yến T, sinh ngày 04/01/2008 và Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2009. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Trịnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C.**

#### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà H, ông C không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Trịnh Yến T, sinh ngày 04/01/2008 và Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2009 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông C nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Thương H yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh C, yêu cầu giải quyết con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”; Bà Nguyễn Thị Thương H là nguyên đơn, ông Trịnh C là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thương H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trịnh C hiện đang cư trú tại thành phố B. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huyền, ông Chung theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thương H và ông Trịnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 179/2007 ngày 30/8/2007 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông C.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông C đến Tòa làm việc nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông C không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Kết quả xác minh tại Công an phường Tân H ngày 15/4/2022 về tình hình trạng cư trú của ông C thể hiện: Ông Trịnh C có đăng ký thường trú tại địa phương và hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân phường Tân H thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông C.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông C là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà H, ông C có 02 con chung tên Trịnh Yến T, sinh ngày 04/01/2008 và Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2009. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, tạm thời bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cả hai con chung đều đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C không có mặt tại Tòa án khi Tòa triệu tập, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về con chung. Tại bản tự khai hai con chung là cháu T và cháu B đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về mọi mặt cho hai con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông C nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thương H. Bà Nguyễn Thị Thương H được ly hôn với ông Trịnh C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trịnh Yến T, sinh ngày 04/01/2008 và Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2009 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thương H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001846 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Nguyễn Thị Thương H đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thành Thị Thu Trang**